FireAnt

Tổng CTCP Dệt may Nam Định (UPCOM: NDT)

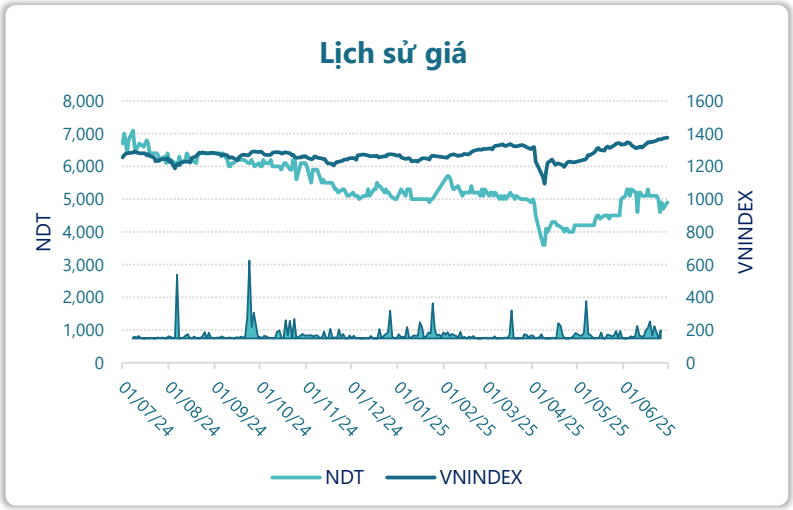

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	15,639,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	545
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
P/E	-1.6
EPS	-3,104

DT thuần

Q2/25

294

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.0| 7.2%

YoY: ▼33.0| -10.2%

LN sau thuế

Q2/25

-4.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.60| 43.8%

YoY: ▲ 22.2| 82.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.9%

+/- YoY: ▲ 6.5%

DT thuần

6T 2025

568

tỷ VNĐ

YoY: ▼112| -16.5%

LN sau thuế

6T 2025

-12.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.3| 75.8%

ROE

Q2/25

-62.6%

+/- YoY: ▲ 6.3%

Kết quả kinh doanh

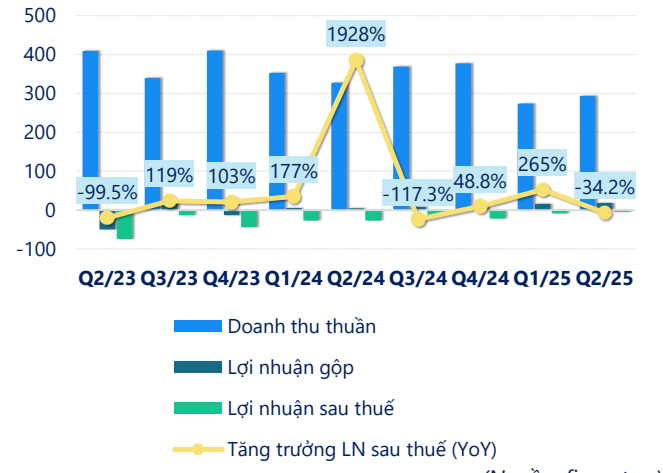

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

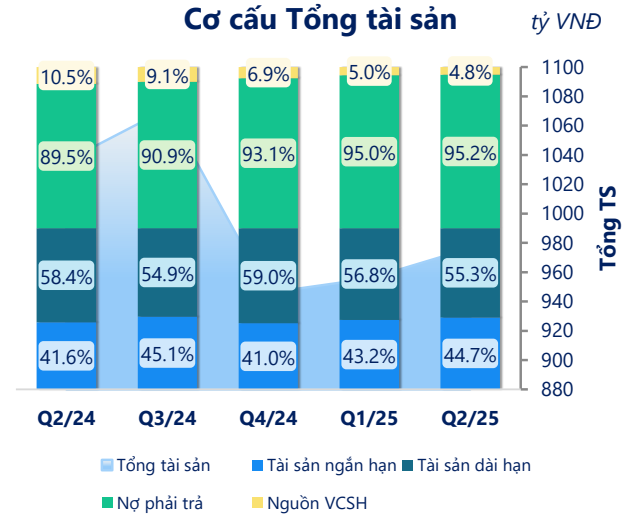

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

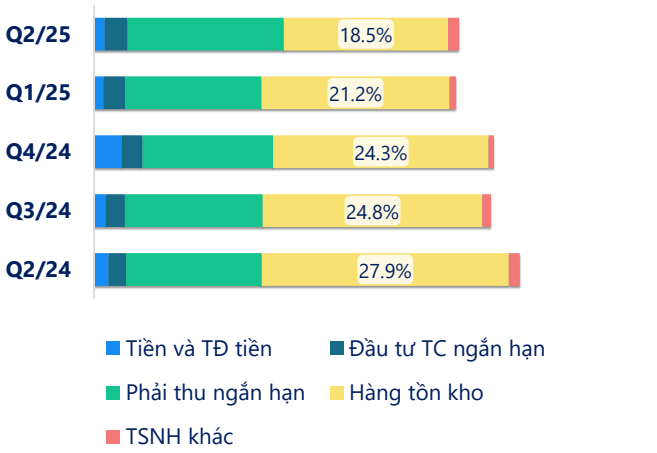

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

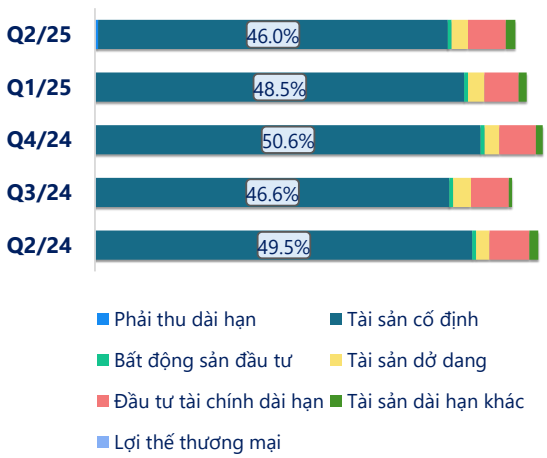

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

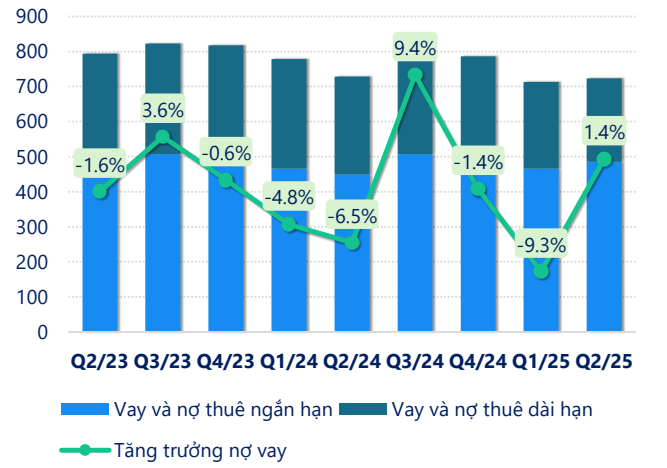

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

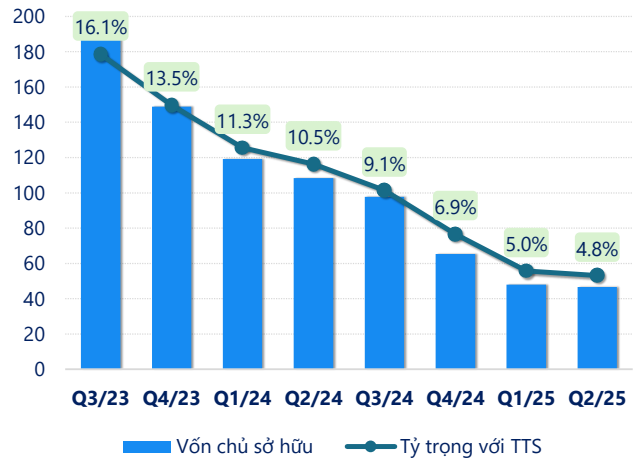

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

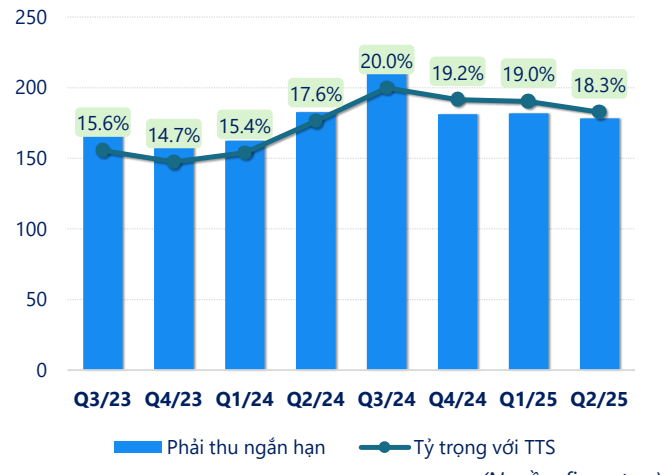

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

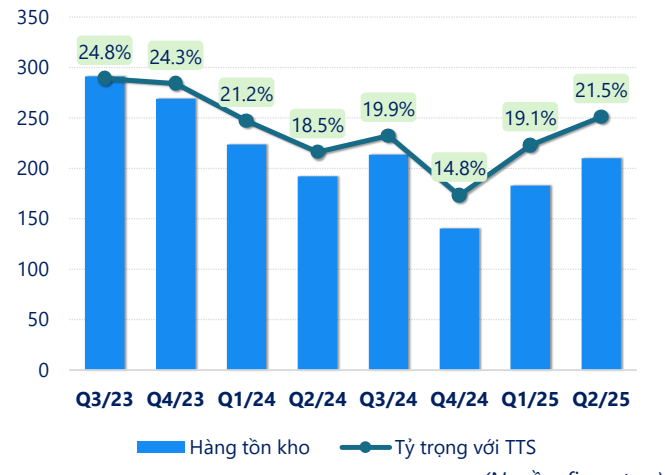

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

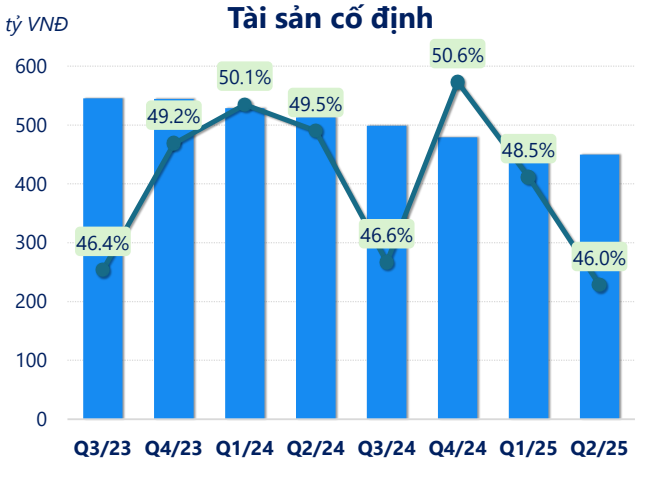

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

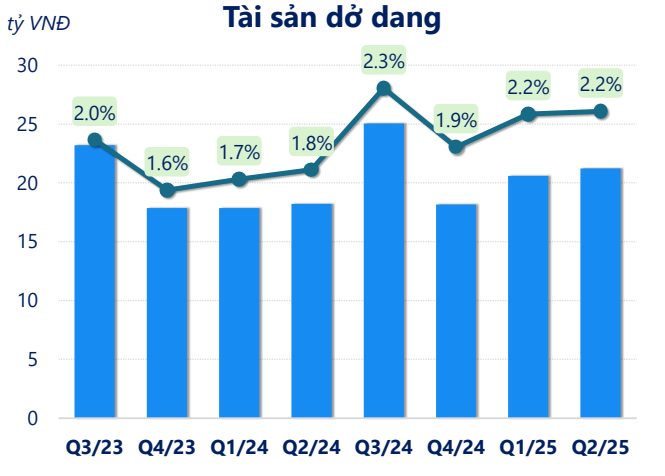

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

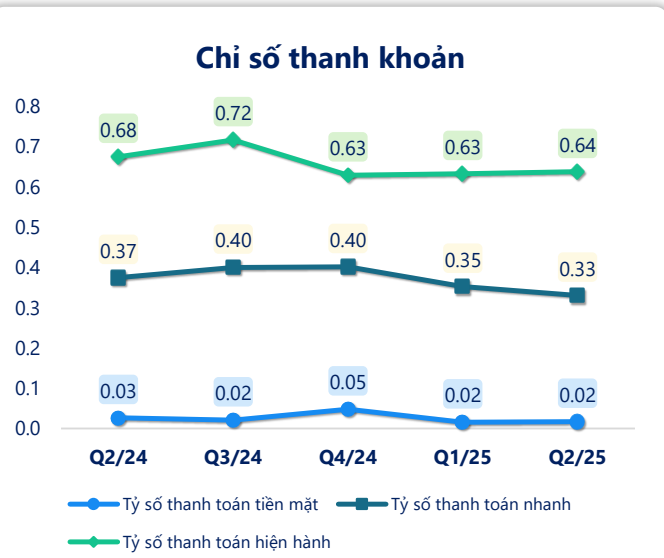

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

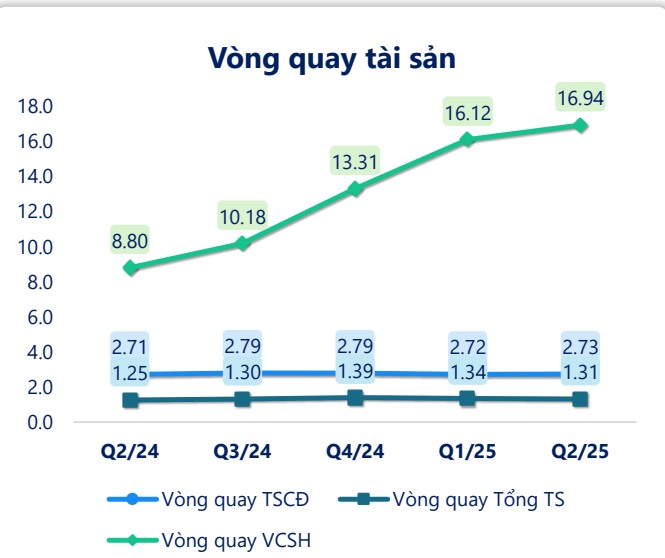

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,036**	**1,072**	**946**	**956**	**976**
Tài sản ngắn hạn	**431**	**483**	**388**	**413**	**436**
Tiền và tương đương tiền	17.0	13.9	29.5	10.1	11.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.6	26.7	28.3	28.5	28.7
Phải thu ngắn hạn	183	214	181	182	178
Hàng tồn kho	192	214	140	183	210
Tài sản ngắn hạn khác	12.8	15.0	8.77	9.44	7.26
Tài sản dài hạn	**605**	**588**	**558**	**543**	**540**
Phải thu dài hạn	1.15	1.06	0.98	0.90	4.10
Tài sản cố định	513	499	479	463	450
Bất động sản đầu tư	5.46	5.29	5.12	4.96	4.81
Tài sản dở dang	18.2	25.0	18.2	20.6	21.2
Đầu tư tài chính dài hạn	54.2	53.6	45.6	43.3	48.5
Tài sản dài hạn khác	12.5	4.45	8.85	9.91	12.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**928**	**974**	**881**	**908**	**930**
Nợ ngắn hạn	**639**	**674**	**617**	**652**	**684**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	449	507	531	466	486
Phải trả người bán ngắn hạn	150	112	60.1	155	165
Nợ dài hạn	289	300	264	256	246
Vay và nợ thuê dài hạn	279	290	255	247	238
Nguồn vốn chủ sở hữu	**108**	**97.8**	**65.3**	**47.9**	**46.7**
Vốn chủ sở hữu	**108**	**97.8**	**65.3**	**47.9**	**46.7**
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)